KẾ TOÁN XÂY DỰNG

Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là khâu đầu tiên cần thiết của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất. Để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất   phải căn cứ vào đặc điểm phát sinh chi phí và công dụng của chi phí trong sản xuất.Tuỳ theo cơ cấu tổ chức sản xuất, yêu cầu và trình độ qunả lý kinh tế, yêu   cầu  hạch  toán  kinh  tế  nội bộ của  doanh  nghiệp  mà  đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là toàn bộ quy trình công nghệ hay từng giai đoạn, từng quy trình công nghệ riêng biệt. Tuỳ theo quy trình công nghệ sản xuất của sản phẩm, đặc điểm của sản phẩm, yêu cầu của công tác tính giá thành sản phẩm mà đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là từng nhóm sản phẩm, từng mặt hàng, sản phẩm,  từng   bộ  phận, cụm  chi  tiết   hoặc  chi  tiết sản phẩm.

Trong  sản  xuất  xây  lắp, do đặc  điểm  sản  phẩm có tính  đơn chiếc  nên  đối  tượng  hạch  toánchi  phí  sản xuất thường  là theo đơn đặt hàng hoặc  cũng  có  thể đó là một hạng  mục công trình, một bộ phận  của  một hạng  mục  công  trình,   nhóm  hạng  mục  công  trình, một  ngôi  nhà  trong  dãynhà.

Nội dung các khoản mục chi phí cấu thành giá thành sản phẩm xây lắp

Giá thành sản phẩm xây lắp bao gồm các khoản mục chi phí có liên quan đến việc thi công xâylắp công trình,nội dung cáckhoản mục bao gồm:

**-Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp gồm:**

Tất cả các chi phí về nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho thi công xây lắp như:

Vật liệu xây dựng: là giá thực tế của cát,đá, sỏi, sắt,thép, ximăng…

Vật liệu khác: bột màu, dao, đinh, dây…

Nhiên liệu than củi dùng để nấu nhựa rải đường, oxy để hàn …

Vật kếtcấu: bê tông đúc sẵn…

Thiết  bị  gắn  liền với  vật  kiến  trúc  như:  thiết bị  vệ  sinh, thông  gió,  ánh  sáng, thiết bị sưởi ấm…(kể cả công xi mạ ,bảo quản thiết bị).

**-Chi  phí  nhân  công  trực   tiếp:**

Gồm tiền lương, phụ  cấp của  công  nhân  trực tiếp tham gia côngtác thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, bao gồm:

+  Tiền  lương  chính của công nhân trực  tiếp thi công xây lắp kể cả công  nhân phụ, công nhân chính như côn gnhân mộc, công nhân nề, công nhân xây, công nhân uốn sắt, công nhân trộn bê  tông…;  công  nhân  phụ  như:  công  nhân  khuân  vác máy móc thi công, tháo  dỡ ván  khuôn  đàn giáo,lau chùi thiết bị trước khi lắp đặt, cạo rỉ sắt thép, nhúng gạch…

+  Các  khoản  phụ cấp theo  lương  như   phụ cấp làm   đêm,   thêm   giờ,   phụ   cấp trách  nhiệm,chức vụ, phụ cấp công trường, phụ cấp khu vực, phụ cấp nóng độc hại…

+Tiền lương phụ của công nhân trực tiếp thi công xâylắp.

Ngoài các khoản tiền lương và phụ cấp của công nhân trực tiếp tham gia công tác thi công xây  dựng,  lắp  đặt  thiết  bị thuộc  biên chế quản lý của DNXL,  khoản  mục chi phí  nhân công trực tiếp còn bao gồm khoản phải trả cho lao động thuê ngoài theo từng loại công việc. Khoản  mục  chi  phí  nhân  công  trực tiếp không  bao  gồm  tiền  lương  của công nhân khi vận chuyển vật liệu ngoài cự ly công trường, lương nhân viên thu mua bảo quản bốc dỡ vật liệu trước khi đến kho công trường, lương công nhân tát nước vét bùn khi  thi công gặp trời mưa hay mạch nước  ngầm và tiền  lương của các bộ phận  khác  (sản xuất phụ, xây lắp phụ,   nhân viên bảo vệ, quản lý …).

Mặt  khác,  chi phí nhân công  trực tiếp cũng không bao gồm khoản trích  BHXH,  BHYT, KPCĐ theo  tỷ lệ  quy định tính  trên tiền  lương phải trả của công nhân trực  tiếp   thi công xây  lắp.

Chi phí nhân công trực tiếp cũng không tính tiền ăn giữa ca của công nhân viên trực tiếp xây lắp. Các khoản này được tính vào khoản mục chi phí sản xuất chung.

Trong  trường  hợp trong DNXL có các hoạt  động khác mang tính chất công   nghiệp hoặc cung cấp dịch vụ thì vẫn được tính vào khoản mục chi phí  nhân   công trực tiếp.

**-Chi phísử dụng máythicông:**

Đối với trường  hợp doanh  nghiệp thực hiện việc xây lắp theo phương thức thi   công hỗn hợp vừa thi công bằng thủ công vừa kết hợp thi công bằng máy, trong   giá thành xây lắp còn có khoản mục chi phí sử dụng máy thi công.

Chi  phí sử dụng máy  thi công gồm hai loại chi phí là chi phí thường xuyên và  chi  phí tạm thời.

- Chi phí thường xuyên gồm: các chi phí xảy ra hàng ngày một cách thường xuyên cho quá trình sử dụng máy thi công như chi phí về nhiên liệu, dầu mỡ, các chi phí vật liệu phụ khác; tiền lương  của công nhân điều khiển và công nhân phục vụ máy  thi  công; tiền  khấu hao TSCĐ là xe máy thi công; các chi phí về thuê máy,chi phí sửa chữa thường xuyên xe máy thi công.

-   Chi phí tạm thời  là những  chi  phí  phát  sinh  một  lần   có  liên   quan  đến  việc lắp, tháo, vận chuyển, di chuyển máy và các khoản  chi phí về những công trình tạm phục vụ cho việc sử dụng máy thi công như lán che máy ở công trường,bệ để máyở khu vực thi công.

Các chi thường xuyên  được tính trực tiếp một lần vào chi phí sử dụng máy thi   công trong kỳ còn chi phí tạm thời không hạch toán một lần vào chi phí sử dụng máy thi công mà được tính phân bổ dần theo thời gian sử dụng các công trình tạm hoặc theo thời gian thi công trên công trường   (thời   gian   nào   ngắn   hơn   sẽ   được chọn làm tiêu thức để phân bổ). Xác định  số phân bổ hàngtháng như sau:

Chi phí  tạm  thời  cũng  có thể  được tiến hành   trích   trước   vào   chi   phí   sử  dụng  máy thi công. Khi sử dụng  xong công trình tạm, số chênh lệch giữa  chi   phí thực tế phát sinh với chi phí  trích trước được xử lý theo quy định.

Chi phí sử dụng máy thi công không bao gồm khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định  trên  tiền  lương của công nhân điều khiển máy thi công  -   khoản  này  được  tính vào  chi phí  sản xuất  chung.  Chi  phí  sử dụng máy thi   công cũng không bao gồm các khoản sau: lương công nhân vận chuyển, phân  phối  vật liệu cho máy; vật liệu là đối tượng chế biến của máy, các chi phí  xảy ra trong   quá  trình   máy  ngừng  sản  xuất,  các  chi  phí  lắp   đặt  lần   đầu  cho  máy  móc  thi công, chi phí sử dụng  máy móc thiết bị khác và các chi phí có tính chất quản lý,phục vụ chung.

Trường hợp doanh  nghiệp thi công toàn bằng thủ công hoặc thi  công toàn bằng  máy,   các chi phí phát sinh không đưa vào khoản  mục chi phí  sử dụng máy  thi  công mà được tập hợp vào các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi   phí nhân công trực tiếp,  chi phí sản xuất chung.

**- Chi phí sản xuấtchung**

Chi phí sản xuất chung là các chi phí trực tiếp khác (ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi  phí  nhân  công  trực tiếp và chi phí sử dụng máy thi công) và các  chi  phí  về tổ chức,  quản  lý phục vụ sản xuất xây lắp, các chi phí có tính chất chung cho hoạt động xây lắp gắn liền với từng đơn vị thi công như tổ, đội, công trườngthi công. Chi phí sản xuấtchung gồmcác khoảnchi phí như sau:

+ Chi phí nhân viên phân xưởng: gồm tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương, phụ cấp lưu động  phải trả cho nhân viên quản lý  đội xây dựng, tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý đội xây dựng và của công nhân xây lắp;  khoản  trích bảo hiểm  xã hội, bảo hiểm y tế,  kinh  phí  công đoàn  được tính theo tỷ lệ quy định hiện hành trên tiền lương phải trả của công nhân trực tiếp xây lắp,nhân viên sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý đội thuộc biên chế của doanh nghiệp.

Ngoài khoản chi phí của nhân viên quản lý công  trường,  kế toán, thống kê, kho, vệ sinh…của công trường, chi phí nhân viên phân xưởng còn bao gồm tiền công vận chuyển vật liệu ngoài cự ly thi công do mặt bằng thi công chật hẹp, công tát nước vét bùn khi trời mưa hoặc gặp mạch nước ngầm…

+ Chi phí vật liệu gồm chi phí vật liệu cho đội xây dựng như vật liệudùng để sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, công cụ dụng cụ thuộc đội xây dựng quản lý và sử dụng, chi phí lán trại tạm thời.

Trường hợp vật liệu mua  ngoài xuất thẳng cho đội xây dựng, nếu doanh nghiệp được khấu trừ thuế thì chi phí vật liệu không bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào.

+  Chi  phí dụng cụ sản xuất xây lắp gồm các chi phí về công cụ dụng cụ dùng cho  thi công như  cuốc  xẻng, dụng cụ cầm tay, xe đẩy, đà giáo, ván khuôn và các loại   công  cụ  dụng  cụ  khácdùng cho sản xuất và quản lý của đội xây dựng. Chi phí dụng cụ sản xuất xây lắp không bao gồm thuế GTGT đầu vào nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phươngp háp khấu trừ thuế.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ gồm chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội xây dựng.

Trong trường hợp  doanh nghiệp  tổ chức thi công hỗn hợp vừa bằng thủ công   vừa  bằng máy,  khoản  chi phí  khấu hao máy móc  thi công được tính vào  chi  phí sử dụng máy thi công chứ không tính vào chi phí sản xuấ tchung.

2 / Kế toán Xây dựng ( bài 2) Kế toán vật tư ( NVL)
Như bài 1 mình đã post xác định các loại chi phí trong Kế toán xây dựng, bài này mình chia sẻ kế toán vật tư trong công xây dựng.
Hiện nay trong doanh nghiệp xây lắp thì đa số Cty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
\* Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
a. Tài khoản kế toánsử dụng
Để hạch toán khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng TK621- Chi phí nguyênvật liệu trực tiếp.
Tài khoản này được dùng để phản ánh các chi phí nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, thực hiện dịch vụ, lao vụ của doanh nghiệp xây lắp.
Bên Nợ: Trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu xuất dùng trực tiếp cho hoạt động xây lắp, sản xuấtcông nghiệp,kinh doanh dịch vụ trong kỳ hạch toán.
Bên Có:
- Trị giá nguyên liệu,vật liệu trực tiếp sử dụng không hết được nhập lại kho.
- Kết chuyển hoặc tính phân bổ trị giá nguyên liệu, vật liệu thực tế sử dụng cho hoạt động xây lắp trong kỳ vàoTK 154 – Chi phí sản xuất,kinh doanh dở dang và chi tiết cho các đối tượng để tính giá thành công trình xâylắp, giá thành sản phẩm,dịch vụ lao vụ…
TK 621 không có số dư cuối kỳ.
TK 621 phải được mở chi tiết để theo dõi từng loại hoạt động trong doanh nghiệp xây lắp như hoạt động xây lắp, hoạt động công nghiệp, dịch vụ lao vụ. Trong từng loại hoạt động, nếu hạch toán được theo từng đối tượng sử dụng nguyên liệu, vật liệu thì phải mở chi tiết theo từng đối tượng sử dụng để cuối kỳ kết chuyển chi phí, tính giá thành thực tế của từng đối tượng công trình.
b. Phương pháp hạchtoán
- Khi xuất nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động xây lắp, sản xuất công nghiệp, hoạt động dịch vụ trong kỳ ghi:
Nợ TK 621 – Chi phí nguyên liệu,vật liệu trực tiếp(chi tiếtcho từng đối tượng hoạt động).
Có TK 152
- Trường hợp mua nguyên liệu, vật liệu đưa vào sử dụng ngay (không qua kho) và doanh nghiệp xây lắp thính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
Nợ TK 621 – theo giá chưa có thuế GTGT.
Nợ TK 133 (1331) - Thuế GTGT đượckhấu trừ (thuế GTGT đầuvào)
Có cácTK 111, 112, 331…
- Trường hợp mua nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp xây lắp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng ghi:
Nợ TK 621 – (giá gồmcả thuếGTGT)
Có cácTK 111, 112, 331…
- Trường hợp doanh nghiệp xâylắp thực hiện tạm ứng chi phí xây lắp giao khoán nội bộ mà đơn vị nhận khoán không tổ chức kếtoán riêng.
+Khi tạm ứng ghi:
Nợ TK 141 (1413) - Tạm ứng chi phí xây lắp giao khoán nội bộ.
Có TK 111, 112, 152, …
+ Khi bản quyết toán tạm ứng về giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành đã bàn giao được duyệt, ghi:
Nợ TK 621 – (phần chi phí nguyên liệu,vật liệu trực tiếp)
Nợ TK 133 (nếu có)
Có TK 141 (1413).
- Trường hợp số nguyên liệu, vật liệu xuất ra không sử dụng hết vào hoạt động sản xuất xây lắp,cuối kỳ nhập lại kho, ghi:
Nợ TK 152
Có TK 621.
Chúc các bạn thành công.
( Bài tiếp theo: Cách xác định khối lượng vật tư, giá trị vật tư theo dự toán)

3/ Kế toán xây dựng ( bài 3)

* Chi phí nhân công trực tiếp
* Tài khoản kế toán sử dụng

Để hạch toán khoản mục chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK622- Chi phí nhân công trực tiếp.

Tài khản này dùng để phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ.

Chi phí lao động trực tiếp bao gồm cả các khoản phải trả cho người lao động thuộc quản lý của doanh nghiệp và cho lao động thuê ngoài theo từng loại công việc.

Nội dung và kết cấu của TK622 như sau:

* Bên Nợ:

Chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ bao gồm: tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích trên tiền lương theo quy định.

* Bên Có:

Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào bên Nợ TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

TK 622 không có số dư cuối kỳ.

\* Phương pháp hạch toán

- Căn cứ vào bảng tính lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất cho hoạt động xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp lao vụ, dịch vụ gồm lương chính, lương phụ, phụ cấp lương và khoản phải trả về tiền công cho công nhân thuê ngoài:

Nợ TK 622

Có TK 334(3341- Phải trả công nhân viên)

Có TK334(3342- Phải trả lao động thuê ngoài)

- Khi thực hiện việc trích BHXH, BHYT, KPCĐ của công nhân trực tiếp sản xuất đối với hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp hoặc cung cấp dịch vụ.

Nợ TK 622

Có TK 338 (3382, 3383, 3384)

- Khi tạm ứng chi phí tiền công để thực hiện giá trị khối lượng giao khoán xây lắp nội bộ (đơn vị nhận khoán không tổ chức kế toán riêng):

Nợ TK 141 - Tạm ứng chi phí xây lắp giao khoán nội bộ.

Có TK 111, 112 …

Khi bảng quyết toán tạm ứng về giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao được duyệt - phần giá trị nhân công ghi:

Nợ TK 622

Có TK 141

Bài tiếp theo: Chi phí máy thi công.

4/ Bài 4, Kế toán XD (tiếp theo)

***Chi phí sử dụng máy thi công***

**a. Tài khoản kế toán sử dụng.**

Tài khoản 623- Chi phí sử dụng máy thi công dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xấy lắp công trình.

Tài khoản này chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng xe, máy thi công đối với trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp - vừa thủ công, vừa kết hợp bằng máy.

Để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công, hàng ngày các đội xe máy phải lập “Nhật trình xe máy” hoặc “Phiếu theo dõi hoạt động xe máy thi công”. Định kỳ, kế toán thu hồi các chứng từ trên để tổng hợp các chi phí phục vụ cho xe máy thi công cũng như kết quả thực hiện của từng loại máy, từng nhóm máy hoặc từng máy. Sau đó tính phân bổ chi phí sử dụng máy cho các đối tượng xây lắp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 623- Chi phí sử dụng máy thi công như sau:

* Bên Nợ:

Các chi phí liên quan đến máy thi công (chi phí nguyên liệu cho máy hoạt động,chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương, tiền công của công nhân trực tiếp điều khiển máy,chi phí bảo dưỡng, sữa chữa máy thi công… )

* Bên Có:

Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vào bên Nợ TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Tài khoản 623 không có số dư cuối kỳ.

TK 623 chi phí sử dụng máy thi công có 6 TK cấp 2:

+ TK 6231- Chi phí nhân công: Dùng để phản ánh lương chính, lương phụ: phụ cấp lương phải trả cho công nhân trực tiếp điều khiển xe, máy thi công, công nhân phục vụ máy thi công kể cả khoản tiền ăn giữa ca của các công nhân này. TK này không phản ánh khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính theo tỷ lệ trên tiền lương của công nhân sử dụng xe, máy thi công. Khoản tính trích này được phản ánh vào TK 627- Chi phí sản xuất chung.

+ TK 6232- Chi phí vật liệu: Dùng để phản ánh chi phí nhiên liệu như xăng, dầu, mỡ … và các vật liệu khác phục vụ cho xe máy thi công.

+ TK 6233- Chi phí dụng cụ sản xuất: Dùng để phản ánh công cụ, dụng cụ lao động liên quan tới hoạt động của xe, máy thi công.

+ TK 6234- Chi phí khấu hao máy thi công: Dùng để phản ánh khấu hao máy móc thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp công trình.

+ TK 6237- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Dùng để phản ánh chi phí dịch vụ mua ngoài như thuê ngoài sữa chữa xe, máy thi công, bảo hiểm xe, máy thi công, chi phí điện, nước, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ …

+ TK 6238- Chi phí bằng tiền khác: Dùng để phản ánh các chi phí bằng tiền phục vụ cho hoạt động của xe, máy thi công, khoản chi cho lao động nữ …

b. Phương pháp hạch toán

Hạch toán chi phí sử máy thi công phụ thuộc vào h.nh thức sử dụng máy thi công: tổ chức đội máy thi công riêng biệt chuyên thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hoặc giao máy thi

công cho các đội, xí nghiệp xây lắp.

- Nếu doanh nghiệp tổ chức đội máy thi công riêng biệt và có phân cấp quản lỹ để theo dõi riêng chi phí như 1 bộ phận sản xuất độc lập. Kế toán phản ánh như sau:

+ Các chi phí liên quan tới hoạt động của đội máy thi công:

Nợ TK 621, 622, 627.

Có các TK có liên quan.

+ Cuối kỳ kết chuyển chi phí để tính giá thành thực tế ca máy.

Nợ TK 154

Có TK 621, 622, 627.

+ Căn cứ vào giá thành ca máy tính toán được, tính phân bổ cho các đối tượng xây, lắp:

\* Nếu doanh nghiệp thực hiện theo phương thức cung cấp lao vụ máy lẫn nhau giữa các bộ phận:

Nợ TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công

Có TK 154.

\* Nếu doanh nghiệp thực hiện theo phương thức bán lao vụ máy lẫn nhau giữa các bộ phận trong nội bộ, ghi:

\*\* Giá thành ca máy chuyển giao cho các bộ phận xây lắp trong nội bộ:

Nợ TK 632

Có TK 154

\*\* Trị giá cung cấp lao vụ máy tính theo giá tiêu thụ, kể cả thuế GTGT:

Nợ TK 623 – giá chưa có thuế

Nợ TK 133 - Thuế GTGT đầu vào

Có TK 512 – Doanh thu tính theo giá cưa có thuế

Có TK 3331 - Thuế GTGT đầu ra

Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp sẽ ghi:

Nợ TK623

Có TK512

- Nếu doanh nghiệp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt, hoặc có tổ chức đội máy thi công riêng biệt nhưng không phân cấp thành một bộ phận độc lập để theo dõi riêng chi phí thì chi phí phát sinh được tập hợp vào TK623- Chi phí sử dụng máy thi công

+ Đối với chi phí thường xuyên:

\* Căn cứ vào tiền lương (lương chính, lương phụ), tiền công, tiền ăn giữa ca phải trả cho công nhân điều khiển máy, phục vụ máy, ghi:

Nợ TK623 (6231)

Có TK334

Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện việc trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân điều khiển máy thi công, kế tán ghi giống như đối với công nhân xấy lắp.

\* Xuất kho hoặc mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ sử dụng cho xe, máy thi công:

Nợ TK623 (6232)

Nợ TK133 (1331) - nếu được khấu trừ thuế

Có TK152, 111, 112, 331…

\* Chi phí công cụ dụng cụ dùng cho xe, máy thi công:

Nợ TK623 (6233)

Có TK153, 111, 112… (loại phân bổ 1 lần)

Có TK142 (1421), 242 (loại phân bổ nhiều lần)

\* Khấu hao xe, máy thi công sử dụng ở đội máy thi công:

Nợ TK623 (6234)

Có TK214

\* Chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh (chi phí sửa chữa máy thi công thuê ngoài, điện, nước, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ…)

Nợ TK623 (6237) – Giá hoá đơn chưa có thuế (nếu tính thuế GTGT khấu trừ)

Nợ TK133 (1331) - Thuế GTGT (nếu được khấu trừ thuế)

Có TK111, 112, 331…

\* Các chi phí khác bằng tiền phát sinh:

Nợ TK623 (6238)

Nợ TK133 (1331) - nếu được khấu trừ thuế

Có TK111, 112

+ Đối với chi phí tạm thời:

Trường hợp không trích trước:

\* Khi phát sinh chi phí:

Nợ TK142 (1421), 242

Nợ TK133 (1331) - nếu được khấu trừ thuế

Có TK111, 112, 331…

\* Khi phân bổ chi phí trong kỳ:

Nợ TK623 (chi tiết các yếu tố liên quan)

Có TK142 (1421), 242: Số phân bổ trong tháng

Trường hợp có trích trước:

\* Khi trích trước chi phí:

Nợ TK623

Có TK335

\* Chi phí thực tế phát sinh:

Nợ TK335

Có TK111, 112, 331…

Kế toán XD ( tiếp theo)

Chi phí sản xuất chung

a. Tài khoản kế toán sử dụng

Để tập hợp chi phí sản xuất chung trong các doanh nghiệp xây lắp, kế toán sử dụng TK 627– Chi phí sản xuất chung.Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí sản xuất của đội xây dựng công trình gồm: lương nhân viên quản lý đội xây dựng, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định; khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan tới hoạt động của đội.

Nội dung và kết cấu của TK627- Chi phí sản xuất chung như sau:

Bên Nợ:

Các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ bao gồm: lương nhân viên quản lý đội xâydựng; tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý đội xây dựng, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ được tính theo tỷ lệ (%) quy định hiện hành trên lương phải trả nhân viên quản lý đội (thuộc biên chế của doanh nghiệp); khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan tới hoạt động của đội.

Bên Có:

- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung

- Kết chuyển chi phí sản xuất chung vào bên Nợ TK154- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

TK627 không có số dư cuối kỳ.

TK 627 có 6 tài khoản cấp 2:

+ TK6271- Chi phí nhân viên phân xưởng

+ TK6272- Chi phí vật liệu

+ TK6273- Chi phí dụng cụ sản xuất

+ TK6274- Chi phí khấu hao TSCĐ

+ TK6277- Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK6278- Chi phí bằng tiền khác

b. Phương pháp hạch toán

- Khi tính tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên của đội xây dựng; tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý đội xây dựng ghi:

Nợ TK627 (6271)

Có TK334

- Khi trích BHXH, BHYT, KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định hiện hành trên tiền lươngphải trả cho nhân viên quản lý đội (thuộc biên chế doanh nghiệp), ghi:

Nợ TK627 (6271)

Có TK338 (3382, 3383, 3384)

- Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu xuất dùng cho đội xây dựng:

Nợ TK627 (6272)

Có TK152

- Khi xuất công cụ, dụng cụ sản xuất có giá trị nhỏ cho đội xây dựng, căn cứ vào Phiếu xuất kho, ghi:

Nợ TK627 (6273)

Có TK153

- Khi xuất công cụ, dụng cụ sản xuất một lần có giá trị lớn cho đội xây dựng phải phân bổ dần, ghi:

Nợ TK 242

Có TK153

* Khi phân bổ giá trị công cụ, dụng cụ vào chi phí sản xuất chung trong kỳ, ghi:

Nợ TK627 (6273)

Có TK 242

- Trích khấu hao máy móc, thiết bị sản xuất… thuộc đội xây dựng, ghi:

Nợ TK627 (6274)

Có TK214

- Chi phí điện, nước, điên thoại… thuộc đội xây dựng, ghi:

Nợ TK627 (6277)

Nợ TK133 (1331) - nếu được khấu trừ thuế

Có TK111, 112

- Các chi phí bằng tiền khác phát sinh tại đội xây dựng, ghi:

Nợ TK627 (6278)

Nợ TK133 (1331) - nếu được khấu trừ thuế

Có TK111, 112

- Khi trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ thuộc đội xây dựng tính vào chi phí sản xuất chung, ghi:

Nợ TK627 (6273)

Có TK335

- Trường hợp phân bổ dần số đã chi về chi phí sửa chữa TSCĐ thuộc đội xây dựng, ghi:

Nợ TK627 (6273)

Có TK 242

- Nếu phát sinh các khoản giảm chi phí sản xuất chung, ghi:

Nợ TK111, 112, 138…

Có TK627

Kế toán XD ( tiếp theo)

Kế toán các khoản thiệt hại trong sản xuất xây lắp

1/ Thiệt hại phá đi làm lại

***a. Đặc điểm của khoản thiệt hại phá đi làm lại trong sản xuất xây lắp***

- Trong quá trình thi công có thể có những khối lượng công trình hoặc phần công việc phải phá đi làm lại để đảm bảo chất lượng công trình. Nguyên nhân gây ra có thể do chủ quan, khách quan, do lỗi của bên giao thầu (bên A) như sửa đổi thiết kế hay thay đổi một bộ phận thiết kế của công trình; hoặc có thể do bên thi công (bên B) gây ra do tổ chức sản xuất không hợp lý, chỉ đạo

thi công không chặt chẽ, sai phạm kỹ thuật của công nhân hoặc do các nguyên nhân khác từ bên ngoài. Tuỳ thuộc vào mức độ thiệt hại và nguyên nhân gây ra thiệt hại để có biện pháp xử lý thíchhợp. Giá trị thiệt hại về phá đi làm lại là số chênh lệch giữa giá trị khối lượng phải phá đi làm lại với giá trị vật tư thu hồi được.

Giá trị của khối lượng phá đi làm lại bao gồm các phí tổn về nguyên vật liệu, nhân công, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung đã bỏ ra để xây dựng khối lượng xây lắp đó và các chi phí phát sinh dùng để phá khối lượng đó. Các phí tổn để thực hiện xây dựng khối lượng xây lắp bị phá đi thường được xác định theo chi phí định mức vì rất khó có thể xác định một cách chính xác giá trị thực tế của khối lượng phải phá đi làm lại.

Trong trường hợp các sai phạm kỹ thuật nhỏ, không cần thiết phải phá đi để làm lại mà chỉ cần sửa chữa, điều chỉnh thì chi phí thực tế phát sinh dùng để sửa chữa được tập hợp vào chi phí phát sinh ở các tài khoản có liên quan như khi sản xuất.

Giá trị thiệt hại phá đi làm lại có thể được xử lý như sau:

+ Nếu do thiên tai gây ra được xem như khoản thiệt hại bất thường.

+ Nếu do bên giao thầu gây ra thì bên giao thầu phải bồi thường thiệt hại, bên thi công coi như đã thực hiện xong khối lượng công trình và bàn giao tiêu thụ.

+ Nếu do bên thi công gây ra thì có thể tính vào giá thành, hoặc tính vào khoản thiệt hại bất thường sau khi trừ đi phần giá trị bắt người phạm lỗi phải bồi thường thiệt hại và phần giá trị phế liệu thu hồi được.

***b. Phương pháp hạch toán***

Tại thời điểm xác định giá thành công trình hoàn thành bàn giao, căn cứ vào giá trị của khoản thiệt hại do phá đi làm lại được xác định theo chi phí định mức, kế toán xử lý như sau:

- Giá trị phế liệu thu hồi, ghi giảm thiệt hại:

Nợ TK 111, 152

Có TK154

- Đối với trường hợp thiệt hại do bên giao thầu (bên A) gây ra thì bên thi công không chịu trách nhiệm về phần thiệt hại và coi như đã thực hiện xong khối lượng công trình, xác định giá vốn của công trình hoàn thành bàn giao tiêu thụ:

Nợ TK 632

Có TK154

- Đối với giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra được ghi nhận vào chi phí bất thường:

Nợ TK811

Có TK154

- Đối với khoản thiệt hại đựơc xác định do bên thi công gây ra được xử lý theo các bước như sau:

+ Xác định phần thiệt hại do cá nhân phải bồi thường:

Nợ TK 1388, 334

Có TK154

+ Xác định phần thiệt hại tính vào chi phí bất thường:

Nợ TK811

Có TK154

+ Nếu trường hợp thiệt hại chưa xác định rõ nguyên nhân, đang chờ xử lý, kế toán ghi:

Nợ TK138 (1381)- Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK154

2. Thiệt hại ngừng sản xuất

***a. Đặc điểm khoản thiệt hại do ngừng sản xuất trong donh nghiệp xây lắp***

Thiệt hại ngừng sản xuất là những khoản thiệt hại xảy ra do việc đình chỉ sản xuất trongmột thời gian nhất định vì những nguyên nhân khách quan hay chủ quan nào đó. Ngừng sản xuất có thể do thời tiết, do thời vụ hoặc do tình hình cung cấp nguyên nhiên vật liệu, máy móc thi công và các nguyên nhân khác.

Các khoản thiệt hại phát sinh do ngừng sản xuất bao gồm: tiền lương phải trả trong thời gian ngừng sản xuất, giá trị nguyên nhiên vật liệu, động lực phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất.

* Trong trường hợp ngừng việc theo thời vụ hoặc ngừng việc theo kế hoạch, doanh nghiệp lập dự toán chi phí trong thời gian ngừng việc và tiến hành trích trước chi phí ngừng sản xuất vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Khi kết thúc niên độ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành bàn giao, kế toán xác định số chênh lệch giữa số đã trích trước với chi phí thực tế phát sinh.Nếu chi phí trích trước lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì phải lập bút toán hoàn nhập số chênh lệch.

***b. Phương pháp hạch toán***

- Trường hợp không trích trước chi phí:

Khi phát sinh các khoản thiệt hại do ngừng sản xuất, kế toán ghi:

Nợ TK622, 623, 627,

Nợ TK133 (1331)

Có các TK liên quan

- Trường hợp có trích trước chi phí:

+ Khi trích trước chi phí ngừng sản xuất:

Nợ TK622, 623, 627, 642…

Có TK335

+ Khi chi phí thực tế phát sinh:

Nợ TK335

Nợ TK133

Có các TK liên quan

+ Điều chỉnh chênh lệch:

\* Nếu chi phí ngừng sản xuất thực tế phát sinh lớn hơn chi phí đã trích trước, tiến hànhtrích bổ sung chi phí:

Nợ TK622, 623, 627, 642…(trích bổ sung theo số chênh lệch)

Có TK335

\* Nếu chi phí ngừng sản xuất thực tế phát sinh nhỏ hơn chi phí đã trích trước, tiến hànhhoàn nhập chi phí:

Nợ TK335

Có TK622, 623, 627, 642…(hoàn nhập theo số chênh lệch)

Chúc các bạn thành công.

 Chia sẻ ghi rõ nguồn: Vũ Đức Hùng- 0913.559.454

Kế toán Xây Dựng (tiếp theo) - Quản lý và quản trị Vật tư ( NVL)

Bài trước mình đã nói về phân tích vật tư ( NVL) trong kế toán XD, bài này mình chia sẻ về quản lý và quản trị vật tư trong kế toán XD.

Như các bạn đã biết, đặc thù của ngành XD là:

* Các công trình XD đều xa trụ sở Công ty, nằm rải rác ở các tỉnh, thành phố, có khi xa cả trăm km == > Do vậy quản lý vật tư không bị hao hụt, thất thoát…là một vấn đề nan giải.
* Công trình XD có nhiều loại vật tư, số lượng vật tư lại rất lớn như xi măng, sắt thép, gạch, đá, cát sỏi, vật tư điện nước…== > Theo dõi nhập xuất và quản lý khi công trình ở xa là một việc khó khăn cho Kế toán
* Việc Kế toán nắm bắt được tiến độ thi công, xem xét nhập xuất vật tư sao cho phù hợp với quá trình thi công cũng cần quan tâm để nhập xuất, hạch toán kế toán đúng thời gian cũng đòi hỏi Kế toán phải hiểu rõ và nắm chắc quy trình thi công.
* Kế toán không tham gia vào chất lượng, chủng loại vật tư cũng như tiến độ thi công, chất lượng công trình nhưng Kế toán tham gia vào quản lý số lượng, giá trị vật tư, chi phí liên quan đến công trình để nhanh chóng phát hiện chi phí bất hợp lý trong thi công.
* Quá trình theo dõi chi phí kéo dài theo thời gian của công trình khiến nhiều khi bỏ sót chi phí.

Đó là những đặc điểm cơ bản trong kế toán XD,

còn nhiều vấn đề phức tạp, nhưng trong bài này mình chia sẻ cách quản lý và quản trị vật tư mà mình đang thực hiện để các bạn tham khảo.

1/ Quản lý vật tư:

* Vật tư được nhập về căn cứ theo dự toán, theo từng hạng mục công trình và theo từng công việc chuẩn bị thi công. Trước khi thi công thì việc chuẩn bị vật tư là rất quan trọng vì nó đảm bảo cho tiến độ thi công, việc ký hợp đồng mua bán vật tư mình không trình bày mà chỉ trình bày từ khi nhập xuất vật tư.

+ Khi nhận vật tư từ bên cung cấp, thủ kho tại công trình và kế toán công trình ( nếu có) lập biên bản giao nhận vật tư.



Sau khi nhận vật tư từ nhà cung cấp, thủ kho và kế toán lập phiếu nhập kho ( số thực nhập), lập 3 liên, giao cho nhà cung cấp 1 liên, thủ kho giữ 1 liên, gửi về phòng kế toán 1 liên.



Lập phiếu NK xong thì từ lúc này thủ kho chịu trách nhiệm việc xuất kho khi có phiếu xuất, trông giữ vật tư, bảo quản vật tư theo quy định của công ty. Khi có nhu cầu sử dụng vật tư thì người có nhu cầu sử dụng lập phiếu “ yêu cầu vật tư” và được Chỉ huy trưởng công trình xác nhận.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp vật tư thủ kho lập phiếu xuất kho, lập 3 liên như trên và gửi phòng Kế toán 1 liên kèm giấy đề nghị cấp vật tư.



Cuối tháng Kế toán thực hiện kiểm tra tồn kho thực tế, sau đó đối chiếu với phiếu nhập xuất hàng ngày trên sổ Kế toán, song song với việc kiểm tra nội bộ thì tiến hành đối chiếu công nợ, số lượng giao nhận hàng với nhà cung cấp để xem xét việc nhập xuất vật tư có khớp nhau hay không? Tất cả các liên của các loại phiếu nhập xuất vật tư đều phải trùng khớp nhau, phù hợp với giấy đề nghị cấp vật tư, Ngoài ra Kết hợp với bên Kỹ thuật để đối chiếu với dự toán, tiến độ thi công, khối lượng thi công hoàn thành để xem xét vấn đề hao hụt, chênh lệch vật tư nếu có.

 Trên đây là cách quản lý vật tư công ty mình đang áp dụng, mình chỉ trình bày cơ bản để các bạn tham khảo. Bài tiếp theo mình nói về quản trị vật tư.

 Chúc các bạn thành công.

Khi chia sẻ ghi rõ nguồn: Vũ Đức Hùng - 0913.559.454

2.2.3. Kế toán sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp

Theo quy định, nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm bảo hành công trình;

nhà thầu cung ứng thiết bị công trình có trách nhiệm bảo hành thiết bị công trình. Nội dung bảo

hành công trình bao gồm: khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi

công trình vận hành, sử dụng không b.nh thường do lỗi của nhà thầu gây ra. Thời gian bảo hành

công trình được xác định theo loại và cấp công trình.

Theo chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự ph.ng, tài sản và nợ tiềm tàng”, dự ph.ng

phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp và được lập vào

cuối kỳ kế toán giữa niên độ hoặc cuối kỳ kế toán năm. Trường hợp số dự ph.ng phải trả về bảo

hành công trình xây lắp đ. lập lớn hơn chi phí thực tế phát sinh th. số chênh lêch được hoàn nhập

ghi tăng thu nhập khác (ghi Có TK711 – Thu nhập khác).

- Cuối kỳ kế toán giữa niên độ hoặc cuối kỳ kế toán năm, khi xác định số dự ph.ng phải trả

về bảo hành công trình xây lắp phải lập cho từng công trình, ghi:

Nợ TK627 – Chi phí sản xuất chung

Có TK352 - Dự ph.ng phải trả

113

- Khi phát sinh các khoản chi phí về bảo hành công trình xây lắp liên quan đến khoản dự

ph.ng phải trả đ. lập ban đầu như: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khấu hao

TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài… th. tuỳ theo từng trường hợp cụ thế được xử l. như sau:

a. Trường hợp không có bộ phận bảo hành độc lập:

+ Khi phát sinh các khoản chi phí liên quan đến việc bảo hành công trình xây lắp, ghi:

Nợ TK621, 622, 623, 627

Nợ TK133 (1331) - nếu được khấu trừ thuế

Có các TK152, 153, 214, 331, 334, 338…

+ Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí, ghi:

Nợ TK154 (1544 – Chi phí bảo hành xây lắp)

Có TK621, 622, 623, 627

+ Khi sửa chữa, bảo hành công trình xây lắp hoàn thành bàn giao cho khách hàng, ghi:

Nợ TK352 - Dự ph.ng phải trả

Có TK154 (1544): Kết chuyển chi phí bảo hành công trình xây lắp thực tế phát

sinh

b. Trường hợp có bộ phận bảo hành độc lập:

+ Số tiền phải trả cho đơn vị cấp dưới, đơn vị nội bộ về chi phí bảo hành công trình xây lắp

hoàn thành bàn giao cho khách hàng, ghi:

Nợ TK352 - Dự ph.ng phải trả

Có TK336 - Phải trả nội bộ

+ Khi trả tiền cho đơn vị cấp dưới, đơn vị nội bộ về các chi phí bảo hành công trình xây

lắp, ghi:

Nợ TK336 - Phải trả nội bộ

Có TK111, 112

- Hết thời hạn bảo hành công trình xây lắp, nếu công trình không phải bảo hành hoặc số dự

ph.ng phải trả về bảo hành công trình xây lắp lớn hơn chi phí thực tế phát sinh th. số chênh lệch

phải hoàn nhập, ghi:

Nợ TK352 - Dự ph.ng phải trả

Có TK711 – Thu nhập khác